TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2023/DS-ST
Ngày: 21/9/2023
V/v "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sỹ và bà Đoàn Thị Thùy Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2023/QĐXXST-DS ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2023/QĐST-DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**

Địa chỉ: Tầng E, số A đường P, quận H, TP . Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết T1 - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng B tại Bình Định.

(Theo Văn bản ủy quyền số 3154/2022/UQ-BVB ngày 01/6/2023 và văn bản ủy quyền số 3789/2023/UQ-BVB ngày 23/5/2023)

Ông Nguyễn Quang H ủy quyền lại cho ông Trần Anh M – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng B tại Bình Định.

Địa chỉ: D N, TP .Q, tỉnh Bình Định.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 131/UQ-BVB-BDH ngày 27/4/2023 và văn bản ủy quyền số 184/UQ-BVB-BDH ngày 16/6/2023)

* Bị đơn:Anh **Phạm Đặng D,** Sinh năm: 1981 và chị **Võ Thị Như H1**, sinh năm: 1985

Cùng nơi ĐKNKTT: 20 N, phường N, TP. Q, Bình Định.

Cùng chỗ ở hiện nay: Tổ B, KV C, phường Q, TP .Q, tỉnh Bình Định.

(Tại phiên tòa hôm nay, ông M có mặt, anh D và chị H1 vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2023, Đơn sửa đổi bổ sung ngày 20/02/2023 và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Anh M trình bày:***

Ngày 02/08/2019 anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 có ký Hợp đồng tín dụng số 0283/2019/HĐTD2/BVB53, kèm theo khế ước nhận nợ số 0283.01/2019/KUNN2/BVB53 với Ngân hàng TMCP B để mua 01 xe ô tô Huyndai Elantra có biển số 77A – 139.23. Theo Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng TMCP B đồng ý cho anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 vay số tiền 463.000.000 đồng với mục đích vay mua xe ô tô Huyndai Elantra 1.6MT CKD 2019, 5 chỗ ngồi; Loại sơn: trắng; Số khung: RLUFB41CAKN016589; Số máy: G4FGKU137463; Biển số 77A – 139.23. Trong đó thời hạn vay là 48 tháng, thời gian trả gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ, định kỳ trả lãi và gốc là vào ngày 15 hàng tháng, đồng thời hai bên thỏa thuận về lãi suất bao gồm: Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm cố định trong 12 tháng đầu, bắt đầu từ tháng 13 trở đi sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,4%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi chậm trả. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 tổng số tiền 463.000.000 đồng, ngày thanh toán đầu tiên là vào ngày 15/8/2019.

Để đảm bảo khoản vay, anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 thế chấp xe ô tô nói trên cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng thế chấp số: 1342046.A.19.HĐTC.BDH ký ngày 02/08/2019 giữa anh D, chị H1 và Ngân hàng TMCP B.

Từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/4/2020 anh D, chị H1 đã thanh toán Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền 111.150.107 đồng (trong đó gồm 85.146.166 đồng tiền gốc, 25.585.721 đồng tiền lãi trong hạn, 361.301 đồng lãi quá hạn và 56.919 lãi chậm trả). Từ sau ngày 15/4/2020 đến nay, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên anh D, chị H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, đã vi phạm hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản mà hai bên đã thỏa thuận.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tạm tính đến hết ngày 20/9/2023 là **565.705.822 đồng**, cụ thể: Nợ gốc: 377.853.834

đồng; Nợ lãi trong hạn 137.310.461 đồng, nợ lãi quá hạn 36.247.482 đồng; lãi chậm trả 14.294.045 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh sau ngày 21/9/2023 cho đến khi anh D, chị H1 thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP B có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô Huyndai Elantra 1.6MT CKD 2019, 5 chỗ ngồi; Loại sơn: trắng; Số khung: RLUFB41CAKN016589; Số máy: G4FGKU137463; Biển kiểm soát: 77A – 139.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033280 do Công an tỉnh B cấp ngày 01/08/2019 cho ông Phạm Đặng D theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP B không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn là anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0283/2019/HĐTD2/BVB53 ngày 02/8/2019 đã ký kết với Ngân hàng TMCP B, anh D, chị H1 vay tiền để mua xe ô tô là mục đích tiêu dùng. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Anh Phạm Đặng D, chị Võ Thị Như H1 là bị đơn, có nơi cư trú tại thành phố Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0283/2019/HĐTD2/BVB53 ngày 02/8/2019 và khế ước nhận nợ số 0283.01/2019/KUNN2/BVB53 ngày 02/8/2019 được thiết lập giữa anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 với Ngân hàng TMCP B thì về nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch dân sự này hợp pháp.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0283/2019/HĐTD2/BVB53 ngày 02/8/2019 và khế ước nhận nợ số 0283.01/2019/KUNN2/BVB53 ngày 02/8/2019, Ngân hàng TMCP B đã cho anh D, chị H1 vay 463.000.000 đồng để mua xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 7,8%/năm, cố định trong 12 tháng đầu, bắt đầu từ tháng 13 trở đi sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,4%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi chậm trả. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu tính từ ngày 15/8/2019. Từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/4/2020 anh D, chị H1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền 111.150.107 đồng (trong đó gồm 85.146.166 đồng tiền gốc, 25.585.721 đồng tiền lãi trong hạn, 361.301 đồng lãi quá hạn và 56.919 lãi chậm trả). Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng anh D, chị H1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần triệu tập và đến nơi cư trú để làm việc nhưng anh D, chị H1 không chấp hành, không đến Tòa khai báo và làm việc. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 137 ngày 04/10/2004 của UBND phường N, thành phố Q thì vào thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng anh D và chị H1 là vợ chồng nên đây là nghĩa vụ dân sự của chung của anh D, chị H1.

Do anh D và chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc anh D và chị H1 có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP B số tiền là **565.705.822 đồng** (trong đó tiền nợ gốc: 377.853.834 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 20/9/2023 gồm tiền lãi trong hạn: Nợ lãi trong hạn 137.310.461 đồng, nợ lãi quá hạn 36.247.482 đồng; lãi chậm trả 14.294.045 đồng). Ngoài ra, anh D, chị H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tính từ ngày 21/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay, anh D, chị H1 đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1342046.A.19.HĐTC.BDH ngày 02/08/2019 và tài sản bảo đảm là xe ô tô Huyndai Elantra, Loại sơn: trắng; Số khung: RLUFB41CAKN016589; Số máy: G4FGKU137463; Biển số: 77A – 139.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033280 do CA Tỉnh B cấp ngày 01/08/2019 cho ông Phạm Đặng D. Hợp đồng thế chấp xe ô tô nêu trên đã được ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, trong trường hợp anh D, chị H1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế

chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng, anh D, chị H1 phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên anh D, chị H1 phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền trên cho Nguyên đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh D và chị H1 phải chịu 28.285.000 đồng án phí DSST. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.391.000 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 295, các Điều từ 299 đến 308, Điều 323 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B tiền nợ gốc: 377.853.834 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 20/9/2023 gồm tiền lãi trong hạn : Nợ lãi trong hạn 137.310.461 đồng, nợ lãi quá hạn 36.247.482 đồng; lãi chậm trả 14.294.045 đồng). Tổng cộng: 565.705.822 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ năm nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Ngoài ra, anh D, chị H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 0283/2019/HĐTD2/BVB53 ngày 02/8/2019 và khế ước nhận nợ số 0283.01/2019/KUNN2/BVB53 ngày 02/8/2019 đã ký với Ngân hàng TMCP B tính từ ngày 21/9/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Về tài sản bảo đảm: Nếu anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã được anh D, chị H1 thế chấp để thu

hồi nợ là 01 (một) chiếc xe ô tô Huyndai Elantra 1.6MT CKD 2019, 5 chỗ ngồi; Loại sơn: trắng; Số khung: RLUFB41CAKN016589; Số máy: G4FGKU137463; Biển kiểm soát: 77A – 139.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033280 do Công an tỉnh B cấp ngày 01/08/2019 cho ông Phạm Đặng D. (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1342046.A.19.HĐTC.BDH ngày 02/08/2019 giữa anh D, chị H1 và Ngân hàng TMCP B).

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), anh D, chị H1 phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên anh D, chị H1 phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP B.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đặng D và chị Võ Thị Như H1 phải chịu 28.285.291 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 12.391.000 đồng (mười hai triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003559 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm